

của luật pháp về thuế hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư này.

Các hành vi vi phạm luật pháp như không kê khai, đăng ký thuế, chậm nộp thuế, man khai trốn thuế sẽ bị xử phạt theo pháp luật hiện hành.

## II. Giải quyết khiếu nại:

Các khiếu nại về thuế theo Thông tư này do cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế xử lý. Nếu người khiếu nại chưa thỏa mãn với xử lý của cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế thì có thể gửi đơn khiếu nại tới Tổng cục Thuế và Bộ Tài chính. Quyết định xử lý của Bộ trưởng Bộ Tài chính là quyết định cuối cùng. Trong khi chờ quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền, người khiếu nại vẫn phải thực hiện nghiêm chỉnh kết luận của cơ quan thuế địa phương trực tiếp quản lý thu thuế đã đưa ra.

Các khiếu nại về thuế liên quan đến các quy định của một hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ một nước khác sẽ được giải quyết theo các thủ tục giải quyết khiếu nại và tranh chấp đã quy định trong hiệp định đó.

## E. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Các Bên Việt Nam thực hiện việc khấu trừ thuế và nộp thuế vào ngân sách nhà nước thay cho Nhà thầu sẽ được hưởng một khoản thù lao bằng 0,8% số thuế thực tế thu được. Số tiền thù lao này được khấu trừ từ số tiền thuế thu được trước khi nộp vào tài khoản của ngân sách nhà nước và được sử dụng để trang trải các chi phí cho việc thu, nộp thuế và để khen thưởng cho các cá nhân tham gia thu và nộp thuế.

II. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 1 năm 1999. Riêng khoản lãi tiền vay chỉ áp dụng đối với các hợp đồng vay ký từ ngày 01 tháng 1 năm 1999.

Đối với các hợp đồng Nhà thầu, Nhà thầu phụ được ký trước ngày 01 tháng 1 năm 1999 và đang thực hiện thì các khoản tiền thanh toán cho Nhà thầu, Nhà thầu phụ trước ngày 01 tháng 1 năm

1999 thực hiện nghĩa vụ thuế theo các văn bản hướng dẫn tại thời điểm thanh toán. Các khoản thanh toán từ ngày 01 tháng 1 năm 1999 thực hiện nghĩa vụ thuế theo hướng dẫn tại Thông tư này. Trường hợp, Nhà thầu chính đã nộp thuế doanh thu đối với hoạt động xây lắp trên toàn bộ giá trị hợp đồng trước ngày 01 tháng 1 năm 1999, thì Nhà thầu phụ không phải nộp thuế giá trị gia tăng đối với số tiền được Nhà thầu chính thanh toán từ ngày 01 tháng 1 năm 1999.

Thông tư này thay thế các Thông tư sau đây của Bộ Tài chính: Thông tư số 08-TC/TCT ngày 05/2/1994 hướng dẫn về thuế đối với thu nhập từ tiền bản quyền; Thông tư số 37-TC/TCT ngày 10/5/1995 hướng dẫn chế độ thuế áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không thuộc các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư tại Việt Nam. Thông tư số 61-TC/TCT ngày 23/10/1996 hướng dẫn nghĩa vụ thuế của tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải tại Việt Nam; Thông tư số 83-TC/TCT ngày 25/12/1996 hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế doanh thu và thuế lợi tức của các tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành hoạt động cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh hàng hóa bưu phẩm tại Việt Nam.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thủ trưởng*

**PHẠM VĂN TRỌNG**

**THÔNG TƯ số 178/1998/TT-BTC ngày 26/12/1998 hướng dẫn kế toán thuế giá trị gia tăng áp dụng cho Tổng công ty Điện lực Việt Nam.**

*Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH9 ngày 10/5/1997;*

*Căn cứ Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày*

27/6/1998, Thông tư số 100/1998/TT-BTC ngày 15/7/1998 và Thông tư số 146/1998/TT-BTC ngày 12/11/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn tính thuế và kê khai nộp thuế giá trị gia tăng đối với ngành điện;

Để hạch toán thuế giá trị gia tăng phù hợp với việc tính thuế, kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng của Tổng công ty Điện lực Việt Nam, Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm điện của Tổng công ty Điện lực Việt Nam, như sau:

## I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Tổng công ty Điện lực Việt Nam phải tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng theo quy định của Chế độ kế toán hiện hành và quy định tại Thông tư này.

- Doanh thu bán điện được phản ánh vào Tài khoản 511 hoặc Tài khoản 512 theo giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng, không phản ánh vào Tài khoản 511, Tài khoản 512 các khoản tiền phạt do vi phạm sử dụng điện... (nếu có), các khoản phụ thu theo chế độ quy định (nếu có) dùng để đầu tư cải tạo lưới điện.

- Giá trị vật tư, hàng hóa, tài sản cố định, dịch vụ mua vào dùng cho sản xuất sản phẩm điện và các hoạt động kinh doanh khác được phản ánh theo giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng (trường hợp có hóa đơn giá trị gia tăng hoặc có chứng từ đặc thù).

Trường hợp mua vật tư, hàng hóa, tài sản cố định, dịch vụ không có hóa đơn giá trị gia tăng thì phản ánh theo giá thanh toán, thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ.

- Hàng tháng, các nhà máy điện, công ty truyền tải điện, trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia, Ban quản lý dự án trực thuộc Tổng công ty và các đơn vị khác hạch toán phụ thuộc Tổng công ty phải căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ mua vật tư, hàng

hóa, dịch vụ... thực hiện lập Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng cho hoạt động sản xuất điện. Bảng kê lập thành 03 bản, 01 bản gửi cho Cục Thuế nơi đơn vị đóng trụ sở, 01 bản gửi cho Tổng công ty, 01 bản lưu tại đơn vị. Mẫu bảng kê được lập theo quy định tại Thông tư số 146/1998/TT-BTC ngày 12/11/1998 của Bộ Tài chính.

Tổng công ty có trách nhiệm tổng hợp các Bảng kê thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ phát sinh tại văn phòng Tổng công ty để lập bảng kê và tính số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ.

Số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ phát sinh ở các nhà máy điện, công ty truyền tải điện, trung tâm điều độ hệ thống quốc gia,... và các đơn vị khác hạch toán phụ thuộc Tổng công ty thì không khấu trừ ở tại đơn vị này mà được khấu trừ ở Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

- Số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ phát sinh ở Văn phòng công ty Điện lực I, II và III thì không được khấu trừ ở Văn phòng công ty Điện lực I, II và III mà phân bổ và cho khấu trừ ở điện lực các tỉnh, thành phố trực thuộc công ty. Mức và tiêu chuẩn phân bổ thuế giá trị gia tăng đầu vào cho các điện lực tỉnh, thành phố theo quy định tại điểm 2.2, Mục II Thông tư số 146/1998/TT-BTC ngày 12/11/1998 của Bộ Tài chính.

## II. HẠCH TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

### 1. Hạch toán tại Tổng công ty.

- Hàng tháng, căn cứ vào báo cáo chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh ở các nhà máy điện, công ty truyền tải điện, trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia, Ban quản lý dự án trực thuộc Tổng công ty và các đơn vị khác hạch toán phụ thuộc Tổng công ty gửi lên kế toán Tổng công ty, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (1541)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 336 - Phải trả nội bộ.

- Hàng tháng, căn cứ vào Bảng kê thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ phát sinh tại văn phòng Tổng công ty, kế toán Tổng công ty kiểm tra và xác định thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ phải trả cho các đơn vị, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

Có TK 336 - Phải trả nội bộ.

- Căn cứ vào hóa đơn bán điện cho các công ty điện lực, kế toán phản ánh doanh thu bán điện theo giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng, ghi:

Nợ TK 136 - Phải thu nội bộ (tổng giá thanh toán)

Có TK 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ (giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng).

- Cuối kỳ, kế toán tính và xác định số thuế giá trị gia tăng đầu vào khấu trừ trong kỳ, ghi:

Nợ TK 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp

Có TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ.

- Cấp (trả) chi phí sản xuất và thuế giá trị gia tăng đầu vào cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty, ghi:

Nợ TK 336 - Phải trả nội bộ

Có TK 111, 112...

- Các nội dung khác về kế toán thuế giá trị gia tăng thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành.

**2. Hạch toán thuế giá trị gia tăng ở các nhà máy điện, công ty truyền tải điện, trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia, Ban quản lý dự án**

thuộc Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty (sau đây gọi tắt là các đơn vị hạch toán phụ thuộc).

- Khi mua vật tư, hàng hóa, tài sản cố định, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh điện có hóa đơn giá trị gia tăng, kế toán phản ánh giá trị vật tư, hàng hóa, tài sản cố định, dịch vụ theo giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng, ghi:

Nợ TK 152, 153, 211, 627, 642... (theo giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng)

Nợ TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

Có TK 111, 112, 331... (tổng giá thanh toán).

- Hàng tháng, các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty, căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ mua vào, thực hiện lập bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng cho hoạt động sản xuất điện theo chế độ quy định làm căn cứ xác định thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ tại Tổng công ty. Căn cứ vào số liệu trên bảng kê này, kế toán phản ánh và kết chuyển thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ nhưng không khấu trừ tại các đơn vị hạch toán phụ thuộc mà khấu trừ tại Tổng công ty, ghi:

Nợ TK 136 - Phải thu nội bộ

Có TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ.

- Kế toán thuế giá trị gia tăng của các hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động sản xuất điện, được thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành.

**3. Hạch toán thuế giá trị gia tăng ở Công ty Điện lực Hà Nội, Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh.**

- Căn cứ vào hóa đơn mua điện của Tổng công ty, kế toán phản ánh chi phí sản xuất điện theo giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (theo giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng)

Nợ TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

Có TK 336 - Phải trả nội bộ (tổng giá thanh toán).

- Căn cứ vào hóa đơn bán điện, kế toán phản ánh doanh thu bán điện theo giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng, ghi:

Nợ TK 111, 112, 131... (tổng giá thanh toán)

Có TK 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng (theo giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng).

- Các nội dung khác về kế toán thuế giá trị gia tăng được thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành.

**4. Hạch toán thuế giá trị gia tăng ở Công ty Điện lực I, II và III.**

- Khi mua vật tư, tài sản cố định, dịch vụ dùng vào sản xuất, kinh doanh điện, kế toán công ty phản ánh giá trị vật tư, tài sản, dịch vụ mua vào theo giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng, ghi:

Nợ TK 152, 153, 211, 642... (theo giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng)

Nợ TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

Có TK 111, 112, 331... (tổng giá thanh toán).

- Căn cứ vào hóa đơn mua điện của Tổng công ty, kế toán phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh điện theo giá mua nội bộ chưa có thuế giá trị gia tăng, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (theo giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng)

Nợ TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

Có TK 336 - Phải trả nội bộ.

- Hàng quý, Công ty Điện lực I, II và III tính và phân bổ thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ của hoạt động sản xuất, kinh doanh điện cho các điện lực tỉnh, thành phố theo quy định tại Thông tư số 146/1998/TT-BTC ngày 12/11/1998 của Bộ Tài chính.

Căn cứ vào bảng phân bổ thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ cho các điện lực tỉnh, thành phố, kế toán phản ánh số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ phân bổ cho các điện lực tỉnh, thành phố, ghi:

Nợ TK 136 - Phải thu nội bộ

Có TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ.

- Khi nhận tiền của các điện lực tỉnh, thành phố trả về số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ phân bổ cho các điện lực tỉnh, thành phố, ghi:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 136 - Phải thu nội bộ.

- Hàng quý, Tài khoản 133 ở Công ty điện lực I, II, III có thể có số dư Có, nhưng cuối năm chỉ có số dư Nợ.

- Kế toán thuế giá trị gia tăng của hoạt động kinh doanh khác ngoài sản phẩm điện được thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành.

**5. Hạch toán thuế giá trị gia tăng ở các điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc Công ty Điện lực I, II, III.**

- Khi mua vật tư, hàng hóa, tài sản cố định, dịch vụ dùng vào sản xuất, kinh doanh, kế toán phản ánh giá trị vật tư, hàng hóa, tài sản cố định, dịch vụ mua vào theo giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng, ghi:

Nợ TK 152, 156, 211, 641, 642... (theo giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng)

Nợ TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

Có TK 111, 112, 331... (tổng giá thanh toán).

- Phản ánh số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ do Công ty Điện lực I, II hoặc III phân bổ để khấu trừ tại điện lực tỉnh, thành phố, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

Có TK 336 - Phải trả nội bộ.

- Căn cứ vào hóa đơn bán điện, kế toán phản ánh doanh thu bán điện theo giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng, ghi:

Nợ TK 111, 112, 131... (tổng giá thanh toán)

Có TK 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng (giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng)

- Các nội dung khác về kế toán thuế giá trị gia tăng thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng công ty Điện lực Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Tổng công ty thực hiện kế toán thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư này.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 1 năm 1999, các nội dung khác về kế toán thuế giá trị gia tăng không hướng dẫn trong Thông tư này thì thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thủ trưởng*

TRẦN VĂN TÁ

### TỔNG CỤC HẢI QUAN

**THÔNG TƯ số 10/1998/TT-TCHQ ngày 19/11/1998 hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hoạt động cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế theo Quy chế ban hành tại Quyết định 205/1998/QĐ-TTg ngày 19/10/1998**

được miễn thuế nhập khẩu, miễn thuế tiêu thụ đặc biệt và miễn thuế giá trị gia tăng nhưng phải bán đúng đối tượng, đúng định lượng quy định.

Hàng xuất khẩu đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế phải tuân thủ chính sách mặt hàng và các luật thuế liên quan đồng thời phải phù hợp với danh mục hàng hóa đăng ký kinh doanh bán miễn thuế quy định trong giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế của doanh nghiệp.

2. Nhân viên cửa hàng miễn thuế chỉ được bán trực tiếp cho các đối tượng được phép mua hàng miễn thuế ngay tại vị trí của quầy hàng theo đúng định lượng quy định.

Các đối tượng là thuyền viên được mua hàng miễn thuế chung theo đơn hàng có xác nhận của thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu.

3. Hoạt động của cửa hàng miễn thuế từ khi xuất khẩu, nhập khẩu hàng để bán, đến hoạt động của kho hàng, bán hàng tại cửa hàng, hàng tái xuất tiêu thụ nội địa hoặc hàng phải xử lý do hư hỏng đều chịu sự kiểm tra, giám sát quản lý của hải quan.

4. Những quy định về địa điểm của cửa hàng miễn thuế:

Địa điểm của cửa hàng miễn thuế phải đảm bảo yêu cầu công tác giám sát quản lý của cơ quan hải quan. Địa điểm cửa hàng, kho hàng, điều kiện làm việc của cơ quan hải quan phải được Tổng cục Hải quan chấp thuận trên cơ sở đề nghị của Cục Hải quan các tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp xin mở cửa hàng miễn thuế.

4.1. Sân bay quốc tế:

- Cửa hàng miễn thuế đặt tại khu vực cách ly